| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>TỈNH BẾN TRE<br><br>Bản án số: 44/2017/DS-ST<br>Ngày: 25/8/2017<br>V/v "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Hồng Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc***: Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2016/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXXST-DS ngày 15/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2017/QĐST-DS ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965 (có mặt)

*Trú tại: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B.*

*2. Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1957 (có mặt)

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1952 (có mặt)

*Trú tại: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B.*

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Huỳnh Thị Kiều H, sinh năm 1973

Trú tại: Số c, X, Phường A, quận B, Thành phố H.

- Lê Thị Kim O, sinh năm 1944

Trú tại: Số c, X, Phường A, quận B, Thành phố H.

Bà H, bà O ủy quyền cho bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1957.

*4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kiều H:* Luật sư Lê Văn L – Văn phòng luật sư C- thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2016, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày*: Vào năm 2000 ông Huỳnh Văn T có hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông Huỳnh T. Thời hạn thuê là 20 năm đến tháng 12 năm 2020 mới hết hạn, tiền thuê đất là 500.000 đồng/năm. Hai bên có làm giấy tay. Nhưng vào năm 2016 bà Huỳnh Thị T ngăn cản không cho ông T vào bẻ dừa và bà T kêu con bà T đánh ông T nên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà T và chồng là ông Phạm Văn H chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất của ông T. Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T và ông H.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Kiều H yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Huỳnh T, ông T đồng ý nhưng với điều kiện bà H phải hoàn trả phần cây trồng ông T đã trồng trên đất là 23 cây dừa trên 10 năm tuổi đến 17 năm tuổi; 08 cây dừa từ 04 đến 06 năm tuổi; 18 cây ca cao từ 04 năm đến 05 năm tuổi; 13 cây dâu từ 06 năm tuổi đến dưới 10 năm tuổi; 11 bụi chuối theo giá của Hội đồng định giá. Ông T tự nguyện chịu nghĩa vụ trả tiền thuê đất 17 năm là 8.500.000 đồng nhưng khấu trừ tiền ông T trả bà H vào năm 2016 tiền thuê 10 năm là 5.000.000 đồng nên còn là 3.500.000 đồng. Phần tiền thuê đất vào năm đầu tiên là do ông T nuôi ông Huỳnh T bị bệnh nên ông T không lấy tiền, sau khi ông T chết ông T có cầm tiền lên đưa cho bà O là vợ ông T nhưng bà O không nhận mà kêu ông T đem về thờ cúng ông T nên từ đó ông T không có đưa tiền cho bà O. Hiện tại ông Huỳnh T do ông T thờ cúng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn đồng thời là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Với tư cách là bị đơn bà T được bà Huỳnh Thị Kiều H ủy quyền giữ đất, quản lý đất và thu hoa lợi trên đất bán giao cho bà H từ tháng 4 năm 2016 nên khi ông T vào bẻ dừa bà T không cho nhưng ông T vẫn vào bẻ dừa, khi ông T kéo dừa làm bà T té chứ con bà T không có đánh ông T như ông T trình bày. Ông T yêu cầu bà T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, bà T không đồng ý vì bà T được bà H thuê giữ vườn nên bà thực hiện theo thỏa thuận với bà H.

Với tư cách là người đại diện ủy quyền của bà Huỳnh Thị Kiều H bà T yêu cầu Tòa án chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T và ông T

vì ông T đã chết và bà H không biết việc cho thuê đất giữa ông T và ông T. Nay Bà H không yêu cầu ông T hoàn trả tiền thuê đất 17 năm mỗi năm 500.000 đồng. Phần ông T yêu cầu bà H hoàn trả giá trị cây trồng bà H không đồng ý vì khi ông T trồng không có báo cho bà H biết.

Với tư cách là người đại diện ủy quyền của bà O, bà T trình bày: Phần đất này bà O đã để cho con là Huỳnh Thị Kiều H đứng tên quyền sử dụng đất nên để bà H toàn quyền quyết định, phần ông Huỳnh Văn T yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng trên đất bà O không đồng ý vì khi ông T trồng không có báo cho bà O và bà H biết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:* Ông H không có liên quan trong vụ kiện vì ông H không có ngăn cản ông T sử dụng đất đang tranh chấp nên yêu cầu của ông T, ông H không đồng ý.

Luật sư Lê Văn L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều H đề nghị Hội đồng xét xử hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T và ông Huỳnh Văn T, buộc ông T giao trả diện tích đất 2.779,9 $m^2$ thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông T đã yêu cầu bà H bồi thường giá trị cây trồng với những căn cứ: Trong giấy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất không có thể hiện phải bồi thường cây trồng trên đất; Khi ông T quản lý sử dụng đất, trên đất đã có những cây cổ thụ, ông T đã sử dụng và đốn thì phải trồng lại những cây mới. Khi trồng, ông T không có báo với ông T và bà H và ông T quản lý sử dụng đất 17 năm nhưng không có trả tiền thuê đất cho ông T. Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị tòa án hủy quyết định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 169, 422, 481, 488, 500, 501 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ yêu cầu của ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị T, ông Phạm Văn H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T với ông Huỳnh Văn T.

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ giao lại diện tích đất 2.779,9 $m^2$ thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B cho bà Huỳnh Thị Kiều H.

Bà Huỳnh Thị Kiều H có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng cho ông Huỳnh Văn T là 36.810.000 đồng.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn T tự nguyện chịu nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kiều H 3.500.000 đồng giá trị tiền thuê đất 07 năm.

Hủy quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 375/2016/QĐ-BPKCTT ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phát biểu tranh luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Văn T yêu cầu bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông T đối với phần đất thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào điều 169 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất". Bà Huỳnh Thị Kiều H yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T với ông Huỳnh Văn T đối với phần đất thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào điều 500 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất".

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 17/10/2016 của Công an xã Thạnh Ngãi xác nhận ông Phạm Văn H và bà Huỳnh Thị Kim T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[3] Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn H về việc yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích 2.779,9 $m^2$ thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Huỳnh Văn T về việc "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất".

Bà Huỳnh Thị Kiều H yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T và ông Huỳnh Văn T tại phần đất có diện tích 2.779,9 $m^2$ thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B. Có tứ cận:

Đông Bắc giáp thửa 244 dài 28,24 m.

Đông Nam giáp thửa 246 dài 103,8 m.

Tây Nam giáp thửa 332 dài 37,12 m.

Tây Bắc giáp thửa 281 dài 11,88 m + 15,75 m + 23,75 m + 12,98 m + 33,42 m và giáp thửa 215 dài 2,65m.

Ông Huỳnh Văn T đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông T nhưng với điều kiện bà H bồi thường giá trị cây trồng là 23 cây dừa trên 10 năm tuổi đến 17 năm tuổi; 08 cây dừa từ 04 đến 06 năm tuổi; 18 cây ca cao từ 04 năm đến 05 năm tuổi; 13 cây dâu từ 06 năm tuổi đến dưới 10 năm tuổi; 11 bụi chuối theo giá Hội đồng định giá đưa ra. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông T và ông T chỉ lập giấy tay nhưng các bên thừa nhận và ông T sử dụng đất từ năm 2000 đến nay. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà H là bà T cùng với ông T thống nhất chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nên ghi nhận. Đối với yêu cầu bồi thường cây trồng trên đất do ông T trồng qua định giá có giá trị như sau: 23 cây dừa trên 10 năm tuổi đến dưới 20 năm tuổi x 1.050.000 đồng/cây = 24.150.000 đồng; 08 cây dừa từ 04 đến 06 năm tuổi x 700.000 đồng = 5.600.000 đồng; 18 cây ca cao từ 04 năm đến 05 năm tuổi x 210.000 đồng = 3.780.000 đồng; 13 cây dâu từ 06 năm tuổi đến dưới 10 năm tuổi x 210.000 đồng = 2.730.000 đồng; 11 bụi chuối x 50.000 đồng = 550.000 đồng. Tổng cộng là 36.810.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 2000, ông Huỳnh T và ông Huỳnh Văn T có thỏa thuận ông T cho ông T thuê quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B, ông T và ông T có làm giấy tay, thỏa thuận ông T được canh tác phần đất từ ngày 01/01/2000 đến hết năm 2020, tiền thuê là 500.000 đồng/năm. Ông T đã canh tác phần đất từ năm 2000, đến năm 2002 ông T chết, con của ông T là bà Huỳnh Thị Kiều H làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ ông Huỳnh T sang tên của bà Huỳnh Thị Kiều H vào năm 2016. Tại tòa, đại diện ủy quyền của bà H là bà T cũng thừa nhận khi ông T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông T cũng đã đưa ra giấy thuê đất giữa ông T với ông T nhưng bà H không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất mà đến khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H mới ủy quyền cho bà T không cho ông T thu hoa lợi trên đất. Như vậy, Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất của ông T và ông T, bà H cũng thừa nhận và theo hợp đồng thì thời hạn thuê đến tháng 12 năm 2020 mới chấm dứt. Nay bà H yêu cầu hủy hợp đồng vì bà H cho rằng ông T chết nên việc cho thuê đất giữa ông T với ông T cũng chấm dứt và khi ông T trồng cây không có báo với bà H nên phần bồi thường giá trị cây trồng bà H không đồng ý. Xét thấy, ông T chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông T là bà Lê Thị Kim O (vợ ông T) và bà Huỳnh Thị Kiều H (con ông T) phải có nghĩa vụ kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T. Nhưng bà Lê Thị Kim O để cho bà Huỳnh Thị Kiều H đứng tên quyền sử

dụng đất và hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của ông T. Bà O từ chối không nhận thừa kế của ông T và để cho bà H trực tiếp nhận quyền sử dụng đất của ông T để lại nên bà H phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của ông T đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T và ông Huỳnh Văn T. Bà H cho rằng ông T trồng cây không báo cho bà H biết nên không đồng ý bồi thường. Xét thấy bà H được đứng tên quyền sử dụng đất từ ngày 11/4/2016 nên trước khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này là của ông T nên ông T trồng cây không phải báo cho bà H biết. Ngoài ra, trong hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông T và ông T không có thể hiện ông T không được trồng cây lâu năm và khi thuê quyền sử dụng đất thời gian là 20 năm là thời gian dài nên trong quá trình sử dụng ông T phải tu bổ và chăm sóc cây trồng. Tại tòa ông T cũng thừa nhận nếu hợp đồng chấm dứt theo thỏa thuận năm 2000 thì không phải bồi thường giá trị cây trồng. Nhưng nay bà H yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải bồi thường giá trị cây trồng của ông T trồng trên đất là phù hợp.

Tại tòa bà T không yêu cầu ông Huỳnh Văn T hoàn trả tiền thuê đất 17 năm là 8.500.000 đồng và đồng ý trả tiền mượn của ông T 5.000.000 đồng. Ông T yêu cầu khấu trừ 5.000.000 đồng vào 10 năm thuê đất và tự nguyện hoàn trả 3.500.000 đồng tiền thuê đất còn lại nên ghi nhận.

Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T và ông H đồng thời ông T cũng rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hội đồng xét xử xét thấy do ông T rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm hàng hóa khác" vào ngày 05/12/2016 nên cần thiết hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 375/2016/QĐ-BPKCTT ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Chi phí đo đạc định giá bà Huỳnh Thị Kiều H phải chịu là 783.500 đồng, ông Huỳnh Văn T phải chịu là 783.500 đồng.

[5] Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016:

Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân dự sơ thẩm 300.000 đồng phần chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Bà Huỳnh Thị Kiều H phải chịu án phí giá ngạch 5% đối với phần bồi thường cây trồng cho ông T là 1.840.000 đồng.

Xét thấy tại phiên tòa Luật sư Lê Văn L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H đề nghị tòa án hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất năm 2000 giữa ông Huỳnh T và ông Huỳnh Văn T và bác yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà H là bà Huỳnh Thị T thay đổi yêu cầu là chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T với ông T khi bà H khởi kiện mà không yêu cầu hủy hợp đồng nên luật sư đề nghị hủy hợp đồng là không có căn cứ. Ngoài ra, hợp đồng thuê quyền sử

dụng đất bà H cũng thừa nhận và vẫn còn giá trị đến hết năm 2020 nên khi chấm dứt hợp đồng làm ảnh hưởng quyền lợi của ông T nên buộc bà H bồi thường là phù hợp.

Xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 169, 422, 481, 482, 500, 501 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đã yêu cầu bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn H "Chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất".

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Kiều H:

Chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh T với ông Huỳnh Văn T. Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ giao lại cho bà Huỳnh Thị Kiều H phần đất có diện tích 2.779,9 $m^2$ thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 15, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh B. Có tứ cận:

Đông Bắc giáp thửa 244 dài 28,24 m.

Đông Nam giáp thửa 246 dài 103,8 m.

Tây Nam giáp thửa 332 dài 37,12 m.

Tây Bắc giáp thửa 281 dài 11,88 m + 15,75 m + 23,75 m + 12,98 m + 33,42 m và giáp thửa 215 dài 2,65m.

Ông Huỳnh Văn T phải giữ nguyên hiện trạng đất và cây trồng trên đất.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn T tự nguyện chịu nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kiều H 3.500.000 đồng tiền thuê đất.

Buộc bà Huỳnh Thị Kiều H bồi thường cho ông Huỳnh Văn T giá trị cây trồng trên đất là 36.810.000 đồng.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản: Bà Huỳnh Thị Kiều H phải chịu là 783.500 đồng, ông Huỳnh Văn T phải chịu là 783.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 375/2016/QĐ-BPKCTT ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003867 ngày 07/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Ông T phải nộp thêm 100.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Kiều H phải chịu án phí giá ngạch 5% đối với phần bồi thường cây trồng cho ông T là 1.840.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại biên lai thu số 0008243 ngày 20/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Bà H phải nộp thêm 1.540.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Võ Thị Hồng Thuý**